ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1348 /QĐ-UBND	*Nam Định, ngày 12 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
V/v công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Nam Định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-BNV ngày 08/4/2025 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4838/TTr-SNV ngày 07/5/2025 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 09 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và 02 thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2

Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định này theo quy định.

Bãi bỏ các nội dung công bố đối với 02 thủ tục hành chính đã được công bố tại số thứ tự 47, 48 mục A lĩnh vực lao động tiền lương Phụ lục kèm theo Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định

Bãi bỏ các nội dung công bố đối với 01 thủ tục hành chính đã được công bố tại số thứ tự 1 mục II Phụ lục kèm theo Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định.

Bãi bỏ Quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phạm Đình Nghị

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ

(Kèm theo Quyết định số: 1348 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT	Không	- Bộ luật Lao động ngày 20/11/2019; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính Phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
2	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	- 10 ngày làm việc đối với việc chấp thuận rút tiền ký quỹ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - 01 ngày làm việc đối với việc cho doanh nghiệp cho thuê lại rút tiền ký quỹ của Ngân hàng nhận ký quỹ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT	Không	- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính Phủ; - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
3	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	17 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT	Không	

4	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	- 22 ngày làm việc đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp (gồm: tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp); giấy phép bị mất; giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép. - 27 ngày làm việc đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép: 27 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT	Không	- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính Phủ; - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
5	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	22 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT	Không	
6	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	27 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT	Không	
7	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT	Không	- Bộ luật Lao động ngày 20/11/2019; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính Phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội;
8	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể,	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	

	đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể		công, KSTTHC và XTĐT		- Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.
9	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chia	25 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 19/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính Phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư liên tịch số 17/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 01/8/2014 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; - Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý
1	1.004949.000.00.00.H40	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu.	Quyết định số 321/QĐ-BNV ngày 08/4/2025 của Bộ Nội vụ.
2	2.001949.000.00.00.H40	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II, hạng III).	